

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 372 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 19 tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cự ly trung bình quãng đường từ Trung tâm hành chính tỉnh (phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng) đến trung tâm hành chính các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1657/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sử dụng kinh phí do Ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 707/TTr-SXD ngày 13 tháng 3 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành cự ly trung bình quãng đường:

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng cự ly trung bình quãng đường (một chiều) từ Trung tâm hành chính tỉnh Cao Bằng (phường Thục Phán) đến trung tâm hành chính các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Cự ly trung bình quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xác định khoảng cách đi công tác trong tỉnh, phục vụ việc thanh toán chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật.

*(Có Phụ lục bảng cự ly chi tiết kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Nguyên tắc xác định và áp dụng cự ly trung bình:

1. Cự ly trung bình được xác định trên cơ sở tuyến đường giao thông phổ biến, thuận lợi nhất từ Trung tâm hành chính tỉnh đến trung tâm hành chính các xã, phường.

2. Cự ly quãng đường trong bảng phụ lục được xác định theo phương pháp tính trung bình, bảo đảm thuận lợi trong việc áp dụng thống nhất cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi xác định khoảng cách đi công tác.

3. Trường hợp trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã có nhiều vị trí trụ sở cơ quan (như trụ sở Đảng ủy và trụ sở Ủy ban nhân dân xã,...) đặt tại các địa điểm khác nhau) thì việc xác định cự ly quãng đường được áp dụng theo cự ly trung bình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Quyết định này xác định cự ly trung bình phục vụ quản lý và thanh toán chế độ công tác phí và quản lý tài chính theo quy định.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hải Hòa**

**PHỤ LỤC****Bảng cự ly trung bình quãng đường (một chiều) từ Trung tâm hành chính tỉnh (phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng) đến trung tâm các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng***(Kèm theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng).*

<b>Số TT</b>	<b>Tên đơn vị hành chính</b>	<b>Loại</b>	<b>Cự ly trung bình (km)</b>	<b>Tên tuyến đường di chuyển phổ biến, thuận lợi nhất</b>
1	Phường Thục Phán	Phường	5	Võ Nguyên Giáp
2	Phường Nùng Trí Cao	Phường	6	Võ Nguyên Giáp, QL3
3	Phường Tân Giang	Phường	7	Võ Nguyên Giáp, QL3, 34B
4	Xã Quảng Lâm	Xã	180	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			200	QL34
5	Xã Nam Quang	Xã	170	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34, TL220
			150	QL34, TL220
6	Xã Lý Bôn	Xã	140	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			160	QL34
7	Xã Bảo Lâm	Xã	140	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			160	QL34
8	Xã Yên Thổ	Xã	170	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			190	QL34
9	Xã Sơn Lộ	Xã	110	QL34
10	Xã Hưng Đạo	Xã	100	QL34
11	Xã Bảo Lạc	Xã	100	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			120	QL34
12	Xã Cốc Pàng	Xã	120	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			140	QL34
13	Xã Cô Ba	Xã	115	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
			135	QL34

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại	Cự ly/ khoảng cách (km)	Tên tuyến đường di chuyển
14	Xã Khánh Xuân	Xã	95	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
15	Xã Xuân Trường	Xã	80	Hồ Chí Minh, TL216, QL4A, QL34
16	Xã Huy Giáp	Xã	95	QL34
17	Xã Ca Thành	Xã	70	QL34
18	Xã Phan Thanh	Xã	65	QL34
19	Xã Thành Công	Xã	65	QL34
20	Xã Tĩnh Túc	Xã	50	QL34
21	Xã Tam Kim	Xã	45	QL34
22	Xã Nguyên Bình	Xã	36	QL34
23	Xã Minh Tâm	Xã	20	QL34
24	Xã Thanh Long	Xã	50	QL34
25	Xã Cần Yên	Xã	60	Hồ Chí Minh, TL216,
26	Xã Thông Nông	Xã	35	Hồ Chí Minh, TL216,
27	Xã Trường Hà (Pác Bó)	Xã	45	Hồ Chí Minh
28	Xã Hà Quảng	Xã	25	Hồ Chí Minh
29	Xã Lũng Nặm	Xã	50	Hồ Chí Minh, QL4A
30	Xã Tổng Cột	Xã	42	Hồ Chí Minh, ĐT214, QL4A
			52	QL3, QL34, QL4A
31	Xã Nam Tuấn	Xã	20	Hồ Chí Minh
32	Xã Hòa An	Xã	11	Hồ Chí Minh
33	Xã Bạch Đằng	Đảng ủy xã	22	Hồ Chí Minh (QL3 cũ)
		UBND xã	15	Hồ Chí Minh (QL3 cũ)
34	Xã Nguyễn Huệ	Xã	22	QL3
35	Xã Minh Khai	Xã	36	ĐT209
36	Xã Canh Tân	Xã	20	ĐT209
37	Xã Kim Đồng	Xã	23	QL34B
38	Xã Thạch An	Xã	35	QL34B
39	Xã Đông Khê	Xã	45	QL34B

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại	Cự ly/ khoảng cách (km)	Tên tuyến đường di chuyển
40	Xã Đức Long	Xã	55	QL34B
41	Xã Phục Hòa	Xã	72	QL34B, QL34
			67	QL3
42	Xã Bế Văn Đàn	Xã	60	QL34, QL4A, TL205
43	Xã Độc Lập	Xã	45	QL3
44	Xã Quảng Uyên	Xã	40	QL3
45	Xã Hạnh Phúc	Xã	52	QL3
46	Xã Quang Hán	Xã	38	QL3, 34B, 4A
47	Xã Trà Lĩnh	Xã	40	QL3, 34B
48	Xã Quang Trung	Xã	51	QL3, 34B
49	Xã Đoài Dương	Xã	52	QL3, ĐT206
50	Xã Trùng Khánh	Xã	65	QL3, ĐT206
51	Xã Đàm Thủy	Xã	83	QL3, ĐT206, QL4A
52	Xã Đình Phong	Xã	73	QL3, ĐT206, ĐT211
53	Xã Hạ Lang	Xã	75	QL3, ĐT207
54	Xã Lý Quốc	Xã	100	QL3, ĐT206, QL4A
55	Xã Vinh Quý	Xã	70	QL3, ĐT207
56	Xã Quang Long	Xã	82	QL3, ĐT207

**Ghi chú:**

- Cự ly trong bảng là cự ly trung bình một chiều từ Trung tâm hành chính tỉnh (thuộc địa phận phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng) đến trung tâm hành chính các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, được xác định theo tuyến đường giao thông phổ biến, thuận lợi nhất để phục vụ việc xác định khoảng cách đi công tác trong tỉnh theo quy định về chế độ công tác phí.

- Chữ viết tắt QL là Quốc lộ; ĐT là đường tỉnh, tỉnh lộ.